

Bản án số: 73/2017/DSST

Ngày: 25-10-2017

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lượng;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2017/TLST-DS ngày 27/7/2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2017/QĐXXST-DS, ngày 05/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V; địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quốc Q, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ; địa chỉ: Tầng 9, Số 1-1A-2, đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 27/6/2017); có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Vương Th, sinh năm 1976; có mặt.

2.2. Bà Đỗ Thị Kim O, sinh năm 1982; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà 10/3, Tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Lê Quốc Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 29/8/2014, Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh Gia Định

(sau đây gọi tắt là V) và ông Vương Th, bà Đỗ Thị Kim O ký kết Hợp đồng tín dụng số GDH/14/0753/HĐTD/PL và Khế ước nhận nợ ngày 29/8/2014 để giải ngân cho ông Vương T và bà Đỗ Thị Kim O vay số tiền 458.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi tám triệu đồng*), thời hạn vay là 72 tháng tính từ ngày giải ngân 29/8/2014 đến ngày 29/8/2020; mục đích sử dụng vốn vay là để ông T và bà O thanh toán tiền mua xe ô tô. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 5,5%/năm, cố định 06 tháng, kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; lãi suất cho vay từ tháng thứ 07 trở đi như sau: Từ ngày 01/3/2015 đến ngày 31/3/2015 sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm; từ ngày 01/04/2015 trở đi lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần vào ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Theo thỏa thuận mỗi tháng ông T và bà O phải trả tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, bắt đầu từ ngày 05/10/2014 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O đã thế chấp tài sản gồm: 01 xe ô tô 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu KIA, màu trắng; số khung: RNYD41M6EC046780; số máy: G4FGDH668575; biển số: 61A-183.11 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003094 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/8/2014 đứng tên bà Đỗ Thị Kim O. Tài sản thế chấp này nhằm bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên vay.

Quá trình sử dụng vốn vay, ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Cụ thể ông Th và bà O mới thanh toán được số tiền gốc là 108.875.633 đồng và 117.368.122 đồng tiền lãi. Từ ngày 05/11/2016 thì ông Th và bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng ông Th và bà O vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tạm tính đến hết ngày 26/6/2017 ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O còn nợ V tổng số tiền là 325.916.843 đồng (*Ba trăm hai mươi lăm triệu chín trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng*) trong đó nợ gốc là 289.643.786 đồng và nợ lãi là 36.273.057 đồng. Sau khi V khởi kiện thì ngày 07/8/2017 ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O đã thanh toán số tiền 30.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 12.519.419 đồng và lãi là 17.480.581 đồng).

Tại phiên tòa, ông Lê Quốc Q vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền tính đến ngày 25/10/2017 là 315.031.332 đồng (trong đó nợ gốc là 277.124.367 đồng và tiền lãi là 37.906.965 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 26/10/2017 ông Th và bà O vẫn phải chịu tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng số GDH/14/0753/HĐTD/PL đã ký ngày 29/8/2014 đến khi ông Th và bà O thanh toán xong nợ cho ngân hàng. Trường hợp ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô 05 chỗ

ngôi, nhãn hiệu KIA, màu trắng; số khung: RNYD41M6EC046780; số máy: G4FGDH668575; Biển số: 61A-183.11 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003094 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/8/2014 đứng tên bà Đỗ Thị Kim O để thu hồi toàn bộ nợ vay. Việc ông Th đề nghị được thanh toán khoản nợ nêu trên thành nhiều lần thì hai bên sẽ thỏa thuận tại cơ quan thi hành án dân sự.

- **Tại Bản tự khai ngày 05/9/2017 bị đơn bà Đỗ Thị Kim O trình bày:** Bà O thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn ông Lê Quốc Q về việc vào ngày 29/8/2014, ông Vương Th, bà Đỗ Thị Kim O có vay của Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Gia Định (sau đây gọi tắt là V) số tiền 458.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số GDH/14/0753/HĐTD/PL ngày 29/8/2014, hai bên thỏa thuận lãi suất thả nổi, thời hạn vay là 72 tháng để vợ chồng ông Th thanh toán tiền mua xe. Vợ chồng ông Th đã thế chấp xe ô tô để đảm bảo cho khoản vay nêu trên như đại diện nguyên đơn đã trình bày. Cùng ngày 29/8/2014, vợ chồng ông đã nhận được số tiền giải ngân là 458.000.000 đồng của Ngân hàng V. Tuy nhiên, do kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông Th chưa có khả năng thanh toán đầy đủ số tiền cho V như thỏa thuận.

Vào ngày 07/8/2017, vợ chồng ông Th đã thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền là 30.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 12.519.419 đồng và lãi là 17.480.581 đồng). Bà O thống nhất số tiền nợ còn lại mà vợ chồng ông bà còn nợ tại V là 306.792.311 đồng (trong đó nợ gốc là 277.124.367 đồng và tiền lãi là 29.667.944 đồng). Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đỗ Thị Kim O đồng ý liên đới với ông Vương Th thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 306.792.311 đồng (trong đó nợ gốc là 277.124.367 đồng và tiền lãi là 29.667.944 đồng). Tuy nhiên, bà Đỗ Thị Kim O đề nghị được thanh toán thành nhiều đợt, cụ thể như sau: Ngày 05/10/2017, ông Th và bà O sẽ thanh toán số tiền cả gốc và lãi là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Số tiền nợ vay còn lại ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O sẽ thanh toán mỗi tháng 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) cả gốc và lãi vào ngày 20 Tây hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/10/2017 cho đến khi ông Th và bà O thực hiện xong nghĩa vụ.

Tại phiên tòa, ông Vương Th trình bày: Ông Vương Th thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về quá trình ký hợp đồng, thực hiện hợp đồng và việc thế chấp tài sản giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V với ông Vương Th, bà Đỗ Thị Kim O. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Vương Th đồng ý liên đới với bà Đỗ Thị Kim O thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 306.792.311 đồng (trong đó nợ gốc là 277.124.367 đồng và tiền lãi là 29.667.944 đồng). Tuy nhiên, ông Vương Th đề nghị được thanh toán tổng số tiền trên thành nhiều đợt, cụ thể như sau:

- Ngày 25/10/2017, ông Th và bà O sẽ thanh toán số tiền cả gốc và lãi là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*);

- Ngày 10/11/2017, ông Th và bà O sẽ thanh toán số tiền cả gốc và lãi là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*);

- Cuối tháng 11/2017, ông Th và bà O sẽ thanh toán số tiền cả gốc và lãi là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*);

- Số tiền nợ vay còn lại ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O sẽ thanh toán hàng tháng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông Vương Th, bà Đỗ Thị Kim O với Ngân hàng Thương mại cổ phần V là hoàn toàn hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Th, bà O vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ, phù hợp với Luật Tổ chức tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn bà Đỗ Thị Kim O vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Đỗ Thị Kim O.

[2]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là V) yêu cầu yêu cầu ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O phải liên đới thanh toán tổng số tiền 315.031.332 đồng (*Ba trăm mười lăm triệu không trăm ba mươi một nghìn ba trăm ba mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc là 277.124.367 đồng, tiền lãi là 37.906.965 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/10/2017 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số GDH/14/0753/HDTD/PL đã ký ngày 29/8/2014 và Khế ước nhận nợ số GDH/14/0753/HDTD/PL ngày 29/8/2014, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 29/8/2014 Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là V) và ông Vương Th, bà Đỗ Thị Kim O đã ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số GDH/14/0753/HDTD/PL và Khế ước

nhận nợ số GDH/14/0753/HDTD/PL với nội dung: Ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O vay của V số tiền 458.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi tám triệu đồng*); thời hạn vay 72 tháng tính từ ngày giải ngân 29/8/2014 đến ngày 29/8/2020; mục đích vay vốn là để ông Th và bà O thanh toán tiền mua xe ô tô. Về lãi suất thì tại Khế ước nhận nợ số GDH/14/0753/HDTD/PL ngày 29/8/2014 hai bên thỏa thuận lãi suất không cố định như sau: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 5,5%/năm, cố định trong 06 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; lãi suất cho vay từ tháng thứ 7 trở đi: Từ ngày 01/3/2015 đến ngày 31/3/2015 sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm; từ ngày 01/4/2015 trở đi, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng một lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm. Như vậy, hợp đồng tín dụng nêu trên giữa V với ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O phù hợp với quy định tại các Điều 90, 91 và Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 17 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 và Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

[2.2] Các bị đơn ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng như nguyên đơn trình bày. Ông Th và bà O đã nhận đủ số tiền vay là 458.000.000 đồng. Quá trình sử dụng vốn vay, ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O đã thanh toán được số tiền gốc là 108.875.633 đồng và 117.368.122 đồng tiền lãi; ngày 07/8/2017 ông Th và bà O tiếp tục thanh toán số tiền 30.000.000 đồng. Ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O thống nhất về số nợ gốc, lãi suất, số tiền lãi và đồng ý trả số tiền nợ gốc và lãi là 315.031.332 đồng, trong đó nợ gốc là 277.124.367 đồng, tiền lãi là 37.906.965 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/10/2017 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số GDH/14/0753/HDTD/PL đã ký ngày 29/8/2014 và Khế ước nhận nợ số GDH/14/0753/HDTD/PL ngày 29/8/2014. Như vậy, đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, bị đơn có thể chấp tài sản là: Chiếc xe ô tô 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu KIA, màu trắng; số khung: RNYD41M6EC046780; số máy: G4FGDH668575; Biển số: 61A-183.11 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003094 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/8/2014 đứng tên bà Đỗ Thị Kim O theo Hợp đồng thế chấp số GDH/14/0753/HDTCTS/PL ngày 29/8/2014. Hợp đồng thế chấp nêu trên được đăng ký đúng quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/12/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Về phạm vi bảo đảm: Các

đương sự thỏa thuận Hợp đồng thế chấp số GDH/14/0753/HDTCTS/PL ngày 29/8/2014 nhằm bảo đảm toàn bộ khoản vay nêu trên của ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O với V.

Theo thỏa thuận của các đương sự trong Hợp đồng thế chấp số GDH/14/0753/HDTCTS/PL ngày 29/8/2014 thì trường hợp ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ thì V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu KIA, màu trắng; số khung: RNYD41M6EC046780; số máy: G4FGDH668575; biển số: 61A-183.11 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003094 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/8/2014 đứng tên bà Đỗ Thị Kim O. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V thì ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O phải tiếp tục liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ như hợp đồng nêu trên. Các bị đơn thừa nhận nội dung của hợp đồng thế chấp nêu trên và đồng ý nếu không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết thì đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật. Như vậy, thỏa thuận về việc xử lý tài sản thế chấp giữa Ngân hàng V với vợ chồng ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O là phù hợp với quy định tại các Điều 56, 58 và 59 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

[2.4] Về phương thức thanh toán: Ông Th và bà O đề nghị được thanh toán khoản nợ hàng tháng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Căn cứ Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập vào việc thanh toán nợ của các đương sự.

[2.5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.6] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 319, 320 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự 2005;
- Căn cứ Điều 90, 91 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 17 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 và Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);

- Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với các bị đơn ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O.

2. Ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền (tính đến ngày 25/10/2017) là 315.031.332 đồng (*Ba trăm mười lăm triệu không trăm ba mươi một nghìn ba trăm ba mươi hai đồng*).

2.1. Trường hợp ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là: Chiếc xe ô tô 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu KIA, màu trắng; số khung: RNYD41M6EC046780; số máy: G4FGDH668575; Biển số: 61A-183.11 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003094 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/8/2014 đứng tên bà Đỗ Thị Kim O.

2.2. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O phải tiếp tục liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

2.3. Từ ngày 26/10/2017 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được quyền tiếp tục tính lãi theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số GDH/14/0753/HĐTD/PL đã ký ngày 29/8/2014 đối với số tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O thanh toán xong khoản vay.

2.4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003094 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/8/2014 đứng tên bà Đỗ Thị Kim O sau khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Vương Th và bà Đỗ Thị Kim O phải nộp số tiền 15.752.000 đồng (*Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được nhận lại số tiền 8.140.000 đồng (*Tám triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013148, ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

4.1. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4.2. Bà Đỗ Thị Kim O vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (04);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hiền